

Đại dịch: viễn kiến bí tích

Vũ Văn An
26/Jan/2021

Tạp chí thần học Communio được ba thần học gia Công Giáo nổi tiếng, Joseph Ratzinger, Hans Urs von Balthasar và Henri de Lubac, thành lập năm 1972 nhằm phản bác tạp chí thần học Concilium, mà cả ba vị trước đó đều ở trong Ban Biên Tập, do cao vọng của tạp chí này muốn trở thành một thẩm quyền giáo huấn chính thức song song với thẩm quyền của các Giám Mục.

Mục đích của Communio là “cố gắng vượt qua sự phân cực giữa những người ‘duy hiện đại’ và những người ‘duy truyền thống’ trong Giáo Hội, bằng cách cung cấp diễn đàn trung ương nơi có cả việc hoà giải lẫn óc sáng tạo”.

Hiện nay, tạp chí xuất bản bằng 13 thứ tiếng. Ấn bản tiếng Anh phát hành tam cá nguyệt với các bài vở về triết học, nghệ thuật và mối liên hệ giữa Đạo Công Giáo và nền văn hóa Hoa Kỳ.

Tạp chí không quên bàn đến những vấn đề thời sự như đại dịch chẳng hạn. Sau đây, chúng tôi xin chuyển ngữ bài của José Granados về “Đại Dịch: Viễn kiến Bí tích” đăng trong Communio, Mùa Hè 2020, ấn bản tiếng Anh, do Carmen Ferre Martí dịch sang tiếng Anh

José Granados, DCJM, là bề trên tổng quyền của Các Môn Đệ Thánh Tâm Chúa Giêsu và Mẹ Maria và là giáo sư thần học về bí tích hôn nhân tại Viện Thần học Giáo hoàng Gioan Phaolô II, và về Khoa học Hôn nhân và Gia đình tại Đại học Lateran ở Rôma.



“Chính kinh nghiệm thân xác như cửa mở con người đi vào thế giới có tính quyết định đối với việc hiểu tại sao các bí tích Kitô giáo không thể lãnh nhận theo lối ảo”.

Gần đây, nhiều người tự hỏi làm thế nào để sống đại dịch theo quan điểm Kitô giáo. Kitô giáo cung cấp cho chúng ta ánh sáng nào để giải thích tầm quan trọng của biến cố này trong lịch sử của chúng ta? Và đối đầu với các thách thức của nó? Sau đây, tôi xin bảo vệ luận điểm sau: chìa khóa để hiểu đại dịch là tính bí tích.

Để thấy ra điều đó, chúng ta có thể lấy điểm xuất phát từ đặc điểm đầy tính hiện linh (epiphanic) của đại dịch; nó vốn là một dấu chỉ lớn lao bằng xương bằng thịt. Trong vô số điều, đại dịch và việc cấm cửa (lockdown) đã cho thấy sự khó khăn của cuộc sống khi thể xác

chúng ta bị cô lập với những người khác hoặc khi chúng ta sợ hãi các mối liên hệ liên ngã, vốn bắt rễ sâu trong thân xác; chúng cho thấy ta cần phải hiểu sức khỏe như một hồng phúc có trước không hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát của chúng ta; chúng cũng cho ta hay tính chất nghèo nàn hàm chứa trong việc tuyệt đối hóa sức khỏe ấy, do đó giản lược cuộc sống thành một việc sống còn đơn thuần.

Tất cả những điều ấy là một dấu chỉ cho thể hệ của chúng ta, cho cách sống mà thân xác vốn chiếm ưu thế trong xã hội chúng ta. Thực thế, xã hội cổ vũ sự cô lập thân xác, một thân xác giữ khoảng cách và bị con người (ít nhất trong suy nghĩ) giản lược thành một biểu thức của cái “tôi” thực sự. Thân xác này không thể dùng làm nền tảng cho bất cứ bí tích nào, nghĩa là, cho bất cứ sự mở cửa thân xác nào giúp đưa con người vượt ra ngoài chính họ. Đại dịch, sau khi đã phơi bày tính nghèo nàn của cách sống thân xác như vậy, có thể khơi dậy nỗi nhớ nhung bí tích hay không?

Đề tri nhận ý nghĩa bí tích của đại dịch, có thể có một cách tiếp cận bổ sung, cách tiếp cận bổ túc là điều có thể, tức cách được liên kết trực tiếp với việc tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô: bắt đầu từ tính ưu việt vốn dành cho các bí tích của Giáo hội.

Tuy nhiên, các bí tích có thực sự ưu việt hay không? Ngược lại, há chúng ta đã không sống mà không có các bí tích, hoặc ít nhất không có các tín hữu tham dự? Thực thế, các bí tích vốn rất ưu việt chính vì lý do này: vì chúng đã vắng mặt khi chúng ta hy vọng chúng có sẵn. Chúng lớn tiếng lúc bị im lặng.

Tuy nhiên, trên thực tế, các bí tích vốn không hoàn toàn vắng mặt. Thay vào đó, chúng đã tiếp nhận đặc tính ảo, chúng ta đã quen với việc cảm nghiệm chúng bằng cách ngắm màn hình và đeo tai nghe. Nhưng chính sự thay thế ảo này giúp chúng ta cụ thể hóa kiểu thiếu vắng phải chịu đựng: điều vốn thiếu là bí tích qua biến cố thể xác, tức là điều diễn ra qua thân xác để làm sống động toàn diện con người, kể cả thân thể của họ.

Như thế, sau khi trải nghiệm nỗi thống khổ trong đời vì không được tiếp cận bí tích ở dạng thân xác của nó, có thể nào chúng ta hiểu rõ hơn bí tích là gì, và nhờ thế, khám phá ra điều chúng ta vốn quên trước khi có đại dịch, trong xã hội của chúng ta và trong Giáo Hội?

1. TRUYỀN THÔNG ẢO NGƯỢC VỚI TRUYỀN THÔNG THÂN XÁC

Chúng ta hãy bắt đầu với những khó khăn trong việc tham gia các bí tích. Điều này một mặt do nguy cơ lây lan thực sự, khiến việc hạn chế các cử hành trở thành một quyết định khôn ngoan. Nhưng nó được nhấn mạnh do nỗi sợ lây lan quá mức, một nỗi sợ cho thấy các ưu tiên không phải bí tích của xã hội và của nhiều tín hữu. Chính sách “tuyệt đối không rủi ro” thường được yêu cầu khi nói đến các bí tích, trong khi những rủi ro hữu lý được phép để mua thức ăn hoặc đồ uống.

Điều này tương ứng với khái niệm coi sức khỏe là điều chủ yếu hoặc chính yếu, mà vì nó mọi thứ khác phải bị hy sinh. Hiểu sức khỏe như một điều tuyệt đối là từ bỏ viễn kiến bí tích về sự sống. Vì viễn kiến bí tích về sự sống cho thấy tính chất siêu phong phú của nó, nghĩa là, ở đây có nhiều điều cho sự sống hơn là việc chỉ bảo tồn nó. Thực vậy, sống là luôn ở bên ngoài chính mình để, nhờ cách này, sự sống được khuếch đại và nhân thừa. Thật vậy, như bí tích nền tảng là Bí tích Thánh Thể làm chứng, sự sống chỉ có thể có được khi phó dâng nó cho Chúa Cha vì anh chị em chúng ta.

Các bí tích cũng bị tương đối hóa khi chúng chỉ được đo lường theo chức năng của chúng. Lúc đó, người ta coi là đương nhiên việc các bí tích hữu ích vì chúng giúp chống lại đại dịch, vì chúng giúp chúng ta sống có ý nghĩa trong sự cô lập hoặc chịu đựng cái chết của những người thân yêu của chúng ta. Tuy nhiên, nếu chỉ có như vậy, thì các bí tích có thể được thay thế bằng các hoạt động khác mà vẫn đạt được cùng một mục đích. Nhưng việc này sẽ phá hủy chúng, vì bản chất các bí tích là làm cho hiện tại điều vốn không thể thay thế bằng bất cứ điều gì khác, điều không hữu ích cho bất cứ điều gì trên thế giới, nhưng đúng hơn hiện hữu bên ngoài thế giới và mang lại ý nghĩa tối hậu cho mọi sự vật thế gian.

Bất chấp điều ấy, tình thế khó cử hành các bí tích trong thời gian đại dịch nhắc nhở ta một điều gì đó của riêng đức tin Kitô giáo, đó là, ơn cứu rỗi đến qua thể xác. Để tương phản, chúng ta hãy nghĩ đến Phật giáo; đối với tôn giáo này, đại dịch không gây ra bất cứ xáo trộn lớn nào, vì mục tiêu của họ là loại bỏ những hình thức hữu hình của thế giới vật chất. Nếu Kitô giáo phải khốn khổ vì sự bùng nổ của một điều có tính vật chất như một loại virus, thì điều này là vì đức tin Kitô giáo là một đức tin bắt rễ sâu vào vật chất.

Mặt khác, đại dịch không tiêu diệt được sự thờ phượng của Kitô giáo. Về điểm này, Kitô giáo khác với Do Thái giáo cổ xưa, vốn tập trung vào Đền thờ Giêrusalem. Sự khác biệt hệ ở chỗ, đối với Kitô giáo, vật chất thiết yếu cho việc thờ phượng không nằm ở bên ngoài con người (trong con vật hiến tế, trên bàn thờ hoặc đền đá) mà là trong chính thể xác của Kitô hữu, được kết nạp vào thân xác thánh thể của Chúa Giêsu. Vì lý do đó, mặc dù có thể không có khả năng tham gia vào phụng vụ, nhưng luôn luôn có thể “dâng thân xác mình như một của lễ sống” (*Rm* 12: 1–2) (1). Về mặt này, điều đáng chú ý là Tân Ước không dùng từ vựng tế tự (cultic vocabulary) để nói về việc cử hành phụng vụ, nhưng dùng nó để diễn tả đời sống của các tín hữu, bất kể trong việc phục vụ bác ái (xem *Dt* 13:16) hay trong việc rao giảng và đón nhận Tin Mừng (xem *Pl* 3:17).

Dựa trên việc nối dài việc phụng tự này vào toàn bộ cuộc sống, người ta có thể coi nhẹ sự khiếm diện của các bí tích: tận sâu trong con người, việc cử hành ảo há không cùng một cử hành hay sao?

Thật vậy, nếu mục tiêu của việc thờ phượng Kitô giáo là thánh hóa cuộc sống bình thường, thì dường như không có vấn đề bao nhiêu với sự thờ phượng được cử hành từ xa. Chúng ta có thể so sánh việc này với việc làm từ xa (teleworking). Đúng là khi làm việc từ xa, một điều gì đó sẽ mất (chẳng hạn, sự tương cảm với đồng nghiệp hoặc khách hàng trở nên khó khăn hơn), nhưng yếu tính của việc làm vẫn được thực hiện (tiếp tục với cùng thí dụ, chúng ta vẫn có thể “đóng ấn cho cuộc giao dịch”). Há yếu tính các bí tích đã không được hoàn thành một cách ảo, để “cuộc giao dịch” (nghĩa là giao ước) với Thiên Chúa được đóng ấn, ngay cả khi một số cảm xúc hoặc tình cảm bị mất đi hay sao?

Vấn đề khả thể cử hành một bí tích cách ảo xác định rõ yếu tính của các bí tích, vì chúng đòi hỏi vật chất và thể xác. Thời hiện đại không hiểu rằng vật chất có thể có ngôn ngữ hoặc làm trung gian cho sự hiện diện có tính bản vị, tức ơn thánh. Theo quan điểm này, thể thần thiêng dường như không tiếp cận với thể xác, mà đúng hơn, tiếp cận với trải nghiệm thân mật và việc phát biểu chân thực tính chân xác bản thân. Dưới ánh sáng này, như Joseph Ratzinger từng nói, các vấn đề sau đây đã nảy sinh: “Thực sự, tại sao tôi phải đi nhà thờ để gặp gỡ Thiên Chúa? Phải chăng Thiên Chúa bị ràng buộc vào một nghi thức và một nơi chốn? Có thể nào điều thiêng liêng lại phải qua trung gian hoặc thậm chí bị ràng buộc bởi các phương tiện nghi lễ và vật chất?” (2). Nhà thần học người Đức Karl-Heinz Menke cũng phát biểu cùng vấn đề ấy như sau: “Cho đến nay, không nhà thần học Thệ phản nào có thể cho tôi câu

trả lời ít nhiều thỏa đáng hơn đối với câu hỏi điều gì, nói đúng ra, là ưu thế của việc thông hiệp bí tích với Chúa Kitô so với sự thông hiệp không phải là bí tích với Người” (3).

Cũng một khó khăn này đã nảy sinh liên quan đến việc cử hành ảo. Điều gì thu nhận được khi tham gia Tiệc Thánh bằng thể xác, ngược với việc tham dự trực tuyến? Ở đây, điều đáng nói là vấn đề Thiên Chúa tự làm cho Người hiện diện và hành động ra sao. Nói một cách cụ thể hơn, điều đáng nói là mức độ Thiên Chúa sử dụng thể xác và vật chất, bất luận nơi sáng thế hay nơi công trình cứu chuộc của Chúa Kitô, để thông truyền ơn cứu rỗi của Người cho chúng ta.

2. THỂ XÁC: KHÔNG GIAN NỀN TẢNG CHO VIỆC THÔNG HIỆP BẢN VỊ

Để giải đáp vấn đề, chúng ta hãy bắt đầu với sự khác biệt hiển nhiên giữa thông hiệp ảo và thông hiệp trực tiếp. Trong mỗi liên hệ ảo chỉ có hai giác quan tham dự: thị giác và thính giác. Các giác quan khác — xúc giác, vị giác và khứu giác — đều thiếu. Chúng ta dám bác bỏ hai giác quan sau như là giác quan thấp hèn nhất và có tính thú tính nhất, nhưng giải đáp này cho thấy, thực tế, chúng là các giác quan có tính thể xác nhất.

Thật vậy, về nguyên tắc, thính giác và thị giác được thực hiện từ xa, không cần phải chia sẻ cùng một không gian. Nhưng xúc giác, khứu giác và vị giác đòi hỏi phải chia sẻ một không gian với thực tại được tri nhận, tức là, chúng đòi hỏi một môi trường chung (4). Theo cách này, những giác quan này nhắc nhở chúng ta rằng con người không thể tách rời khỏi thế giới bao quanh họ và trong đó họ tìm thấy người khác, tức là, chúng nhắc nhở chúng ta rằng con người là một hữu thể nhập thể, vì việc thích đáng đối với xác thịt (nghĩa là vừa tức khắc vừa ở bên ngoài, kết hợp với cái “tôi” bản vị và với vũ trụ vật chất) là đặt con người vào môi trường hoặc thế giới của họ.

Việc những giác quan này là “các giác quan môi trường” [sentidos-ambiente] rất rõ ràng đối với xúc giác, vì xúc giác được trải dài khắp thể xác, vốn là môi trường đầu tiên của con người. Đây là lý do tại sao người xưa coi xúc giác là giác quan có tính thể xác hơn cả, liên kết chặt chẽ nhất với nguyên tố trái đất, trong khi thị giác được coi là thiêng liêng nhất, hợp nhất với lửa (5). Vị giác, ngược lại, cũng là một “giác quan môi trường” vì nó dựa trên khả năng tiêu hóa thức ăn, tức là, tiếp nhận môi trường xung quanh và biến chúng thành của riêng chúng ta. Vì lý do này, không thể ăn “từ xa” hoặc chia sẻ thức ăn với ai không ở chung cùng một chỗ với chúng ta. Cuối cùng, khứu giác, bắt nguồn từ việc hít thở trong một bầu không khí nhất định, cũng được liên kết với môi trường chung với những người khác.

Tóm lại, những giác quan này rất quan yếu theo nghĩa chúng đặt con người vào một môi trường hoặc thế giới và gợi ý rằng chúng ta định nghĩa con người trong mỗi liên hệ liên tục với môi trường hoặc thế giới đó. Nói cách khác, một người hít thở, ăn uống và có xúc giác không thể đơn giản tự trình bày mình như một cá thể biệt lập “trước mặt” thế giới, vì họ là một người thuộc về thế giới và có bản sắc được tạo lập nhờ tương tác với thế giới. Thành thử, đem các giác quan vào câu chuyện sẽ loại bỏ tri nhận của Descartes coi chủ thể như một cá thể đứng tách biệt với thế giới khách quan, biệt lập đối với nó. Không chỉ là "cogito ergo sum" (tôi suy nghĩ vậy thì có tôi), các giác quan mời gọi chúng ta phát biểu, "Tôi chạm, nếm, ngửi, vậy thì: Tôi đang hiện hữu trong tương quan". Do đó, các giác quan cho phép chúng ta khám phá ra thể xác như là việc con người tự mở ra với môi trường của họ, để con người chỉ có thể được định nghĩa như là bện rết vào môi trường này chứ không ở bên ngoài nó.

Tầm quan trọng của môi trường tương ứng với trải nghiệm triệt để của con người: nhu cầu

phải có một ngôi nhà. Ở đây, chúng tôi hiểu ngôi nhà không phải là tòa dinh thự hay ngôi nhà bằng gạch hoặc gỗ mà là không gian liên kết với bản sắc riêng của một con người, nơi người đó tìm thấy chính mình. Đó là lý do tại sao việc người ta mất ngôi nhà ảnh hưởng đến cốt lõi hữu thể của họ, như thể họ đánh mất chính họ vậy.

Theo sách Gióp (4:19), ngôi nhà rất quan trọng đối với con người bởi vì họ có thể xác họ như “ngôi nhà đầu tiên”, một ngôi nhà mỏng manh bằng đất sét. Hay, chính xác hơn, họ có thể xác như “ngôi nhà đầu tiên” của họ vì họ hòa hợp với thế giới và đặc biệt với những người khác mà họ nhận là quen thuộc. Nói cách khác, thể xác là một ngôi nhà, theo nghĩa nó biểu lộ cho chúng ta biết chúng ta là những con trai và anh em, bản sắc chúng ta được cấu thành như có tính con thảo và huynh đệ.

Khả năng trở thành môi trường của thể xác càng trở nên rõ ràng hơn nếu chúng ta xem xét sự kết hợp vợ chồng giữa người đàn ông và người đàn bà. Ở đây thể xác xuất hiện như một môi trường chung khiến sự kết hợp của họ có thể diễn ra. Nói chính xác hơn, sự kết hợp được thực hiện theo một khía cạnh chuyên biệt của thể xác: tính dục. Và điều này có tính quyết định, bởi vì tính dục biểu thị thể xác như nơi nguyên thủy từ đó vợ chồng được sinh ra, và từ đó họ nhớ rằng họ mãi là những con trai và con gái. Đây là lý do tại sao sự kết hợp vợ chồng được đóng ấn trong xác thịt như môi trường đến trước chúng ta và truyền đạt nguồn gốc của chúng ta nơi những người khác.

Điều ấy có nghĩa người đàn ông và người đàn bà được hợp nhất trong một môi trường (môi trường thân xác có giới tính của họ) giúp họ chia sẻ cội nguồn hữu thể họ, nền tảng của mỗi ngôi nhà của họ. Vì lý do này, khi họ hợp nhất, thể giới của họ thay đổi triệt để và một cái “chúng tôi” mới xuất hiện, cái chúng tôi mà sách Sáng thế gọi là “một xương một thịt” (St 2:24). Điều này giải thích: trong hôn nhân, người phối ngẫu không còn là một ai đó ở bên ngoài bản thân tôi, với họ, tôi thiết lập các mối liên hệ và gián đoạn chúng bất cứ khi nào tôi muốn, nhưng là một người giờ đây thuộc về chính bản sắc của tôi. Điều này được phát biểu trong nhiều nền văn hóa với việc thay đổi tên họ diễn ra sau đám cưới.

Chắc chắn, tất cả những điều ấy sẽ không thể tưởng tượng được trong hình thái ảo hoặc vi tính hóa. Hôn nhân có thể được cử hành từ xa (do ủy nhiệm, *by proxy*), nhưng nó chỉ được hoàn hợp trong sự kết hợp xác thịt, một kết hợp đòi có sự hiện diện. Hơn nữa, sự kết hợp xác thịt là nơi được truyền sinh, một điều cũng không thể diễn ra từ đàng xa.

Do đó, chúng ta thấy chính nhờ môi trường chung được chia sẻ qua các thể xác của họ mà hai người không những chỉ là hai cá thể đứng đối diện nhau, chỉ kết hợp với nhau bởi những ràng buộc bên ngoài. Trái lại, một môi trường chung đã kết hợp những con người trong chính bản thể của họ, đó là lý do tại sao sự thông hiệp hỗ tương của họ có thể sâu sắc hơn nhiều, đụng tới những gì ở tận gốc rễ của họ và làm họ có khả năng không những thông hiệp sự vật mà còn thông hiệp chính bản thân họ.

Chúng ta hãy nói thêm rằng phẩm tính môi trường của thể xác cũng phân biệt việc thông hiệp thể xác với việc thông hiệp ảo nhờ cách thức trong đó cả hai đều cởi mở hướng tới sự siêu việt vốn vượt quá những con người thông hiệp. Trong thông hiệp ảo, chính con người đã thiết kế và tạo ra môi trường thông hiệp. Nếu có bất cứ việc cởi mở hướng tới sự siêu việt nào trong sự thông hiệp này, thì nó sẽ không phát sinh từ bên trong môi trường chung mà từ chính các cá nhân, từ ý chí hoặc kiến thức của họ. Mặt khác, trong thông hiệp mặt đối mặt có môi trường chung của thể xác, môi trường mà cả con người đã không tạo ra mà chỉ nhận được từ lúc ban đầu. Vì vậy, như những người vợ / người chồng chẳng hạn, họ không tạo ra sự khác

biệt giới tính cũng như khả năng thông truyền sự sống của họ, điều này giúp cho sự kết hợp của họ diễn ra. Như thế, việc cởi mở đón nhận Đấng Tạo Hóa xuất hiện trong chính mối liên hệ vốn kết hợp các con người với nhau. Nghĩa là, những con người thông hiệp tạ ơn Đấng Tạo Hóa, không những vì hồng phúc Người đã ban cho mỗi người, mà còn vì hồng phúc tình yêu vốn kết hợp họ, một tình yêu phát xuất từ Người và hướng về Người. Chính Thiên Chúa xuất hiện trong ánh sáng này như là vị Thiên Chúa, Đấng, vốn làm nền tảng cho tình yêu, là chính Tình yêu.

Từ điều trên, chúng ta có thể kết luận rằng các mối liên hệ ảo chỉ có ý nghĩa như một công cụ phụ thuộc của việc hiện diện thực sự bằng thể xác. Tuy nhiên, nếu luận lý ảo bị tuyệt đối hóa, thì thể xác trong tư cách môi trường cấu thành con người sẽ bị loại bỏ, và con người bị quan niệm như một cá thể cô lập, tách biệt với thế giới và với những người khác. Chính kinh nghiệm thể xác như cửa mở đưa con người vào thế giới là điều có tính quyết định để hiểu tại sao không thể lãnh nhận các bí tích Kitô giáo theo cách ảo được.

3. LUẬN LÝ ẢO VÀ CÁC BÍ TÍCH KITÔ GIÁO

Những gì chúng ta đã thảo luận cho đến nay về thể xác như một môi trường có tính liên hệ là điều quan yếu để hiểu ơn cứu chuộc do Chúa Kitô mang đến. Và điều này là do Chúa Kitô đã mặc lấy luận lý thông hiệp thể xác mà chúng ta đã mô tả. Thân xác của Người là một thể xác có tính liên hệ, khiến Người trở thành một người trong chúng ta, bước vào dòng dõi các thể hệ mà qua Đức Maria, lên tới Adam và Eva. Vì vậy, Con Thiên Chúa không những sống trong một lịch sử giống lịch sử của chúng ta mà còn chính lịch sử của chúng ta nữa, lịch sử chung của con người. Nói cách khác, khi mang xác thịt, Con Thiên Chúa đã tiếp nhận cùng một môi trường sống của con người chúng ta, đó là lý do tại sao có thể nói rằng Người “sống giữa chúng ta”. Do đó, “các giác quan môi trường” có tính yếu tính đối với việc Nhập Thể: nghĩa là Người có khả năng đụng chạm, chia sẻ thức ăn của chúng ta, hít vào và thở ra không khí của chúng ta. Nếu lịch sử loài người được kết hợp từ xác thịt này vào xác thịt khác, thì Chúa Kitô, nhờ biến đổi xác thịt Người mang lấy từ Đức Maria, đã biến đổi tận cốt lõi môi trường trong đó con người đang sống. Nhờ cách này, những gì Người đã hoàn thành trong xương thịt Người không ở lại mãi trong Người mà ảnh hưởng đến mọi con người. Nói cụ thể hơn, tất cả những ai bước vào môi trường mới do Người khai mở đều có thể tiếp cận được lối sống của Chúa Kitô. Nhờ bước vào môi trường của thể xác Người, chúng ta có thể nhận được Chúa Thánh Thần, Đấng đã ngự xuống trên Người và hoạt động trong Người. Đây là chỗ các bí tích xuất hiện. Thật vậy, các bí tích kéo dài môi trường thể xác của Chúa Kitô để chúng ta được tháp nhập vào Người. Tham dự các bí tích, chúng ta dự phần vào môi trường mà Chúa Giêsu đã khai mở trong thể xác của Người, nơi có thể sống như Người đã sống. Trung tâm của môi trường này là Bí tích Thánh Thể, “bí tích của các bí tích” (6) mà quanh đó, các bí tích còn lại xoay vần và trong đó chất thể bánh và rượu trở thành Mình và Máu Chúa Kitô, Mình và Máu Thánh mà chúng ta ăn và uống. Vì lý do này, “các giác quan môi trường” cũng có tính yếu tính đối với các bí tích.

Chúng ta hãy suy gẫm cuộc gặp gỡ của Chúa Giêsu với các môn đệ trên đường Emmau: chìa khóa để nhận ra Người không phải là thị giác hay thính giác của họ, mà là việc bẻ bánh và ngọn lửa trong trái tim, đã ban cho họ một thị giác mới và một thính giác mới. Chính nhờ quan điểm của Bí tích Thánh Thể, nơi thân thể Chúa Kitô được làm cho hiện diện, chúng ta mới hiểu được sự cần thiết của việc tiếp xúc vật chất nơi các bí tích khác. Nhiệm vụ của mỗi bí tích là làm trung gian cho sự tiếp xúc của chúng ta với xác thịt của Chúa Giêsu. Nhờ cách này, trong bí tích, Chúa Kitô đụng chạm vào thân thể chúng ta, vốn là môi trường và nơi ở đầu tiên của chúng ta, và biến đổi nó thành một môi trường có tính liên hệ mới. Nhờ vật thể

của bí tích, hành động của Chúa Kitô không ở mãi bên ngoài chúng ta như một tấm gương đơn thuần để chúng ta bắt chước, mà đúng hơn, biến đổi bản sắc chúng ta và giúp các loại hành động mới xuất phát từ sự hiệp nhất của chúng ta với Người. Trong mỗi bí tích, vật thể tác động đến những cách tháp nhập khác nhau vào thân thể Chúa Kitô, tùy theo các ý nghĩa dị biệt hóa của thân thể Người. Như vậy, phép rửa chẳng hạn hệ ở việc được sinh ra vào thân thể của Chúa Kitô; phép thêm sức hệ ở việc tham gia vào việc xây dựng thân thể Người; phép hôn phối hệ ở việc liên kết ngôn ngữ nguyên thủy của thể xác chứa đựng trong sự kết hiệp phu thê của người đàn ông và người đàn bà vào thân thể của Chúa Kitô, v.v. Đúng là có thể nhận được ơn thánh cả khi bí tích không được cử hành, như châm ngôn thời trung cổ từng nói: “Thiên Chúa không cột chặt quyền năng của Người vào các bí tích” (7). Nhưng điều này chỉ đúng khi có một trở ngại ngăn cản việc chúng ta tiến gần bí tích. Hơn nữa, ngay trong trường hợp này, việc trao ban ơn thánh chỉ được thực hiện nếu có ý định tham dự bí tích bất cứ khi nào có thể thực hiện được. Vì lý do này, việc quy chiếu về vật thể bí tích vẫn là điều cần thiết. Theo thần học cổ điển, các bí tích cần thiết như những phương thể chứ không chỉ là các giới luật. Nghĩa là, các bí tích cần thiết không những vì Thiên Chúa đã truyền lệnh như vậy, nhưng còn là vì chính các bí tích này đã đặt chúng ta vào việc tiếp xúc với Thiên Chúa và biến đổi chúng ta thành sự hiệp thông trọn vẹn với Người. Chỉ từ sự tiếp xúc trực tiếp này với Chúa Kitô trong các bí tích, toàn diện đời sống Kitô hữu mới có thể trở thành sự thờ phượng Thiên Chúa. Có thể nói, Thiên Chúa đã không trói buộc ơn thánh của Người vào việc cử hành các bí tích, nhưng Người đã trói buộc ơn thánh của Người vào một luận lý học bí tích vì Người đã trói buộc nó vào xác thịt Chúa Kitô. Tất cả những điều này giúp chúng ta đưa ra phán định liên quan đến việc cử hành các bí tích thời đại dịch. Một mặt, chúng ta phải khẳng định rằng có thể có những lý do khôn ngoan để không khuyến khích việc tham dự các bí tích. Nếu ai đó không thực hiện các biện pháp thích hợp để giảm nguy cơ nhiễm trùng chết người, thì họ không thể biện minh lập trường này theo quan điểm niềm tin của họ vào quyền thiêng của bí tích, quyền năng được cho là có thể bảo vệ họ khỏi mọi nguy hiểm. Ngược lại, thái độ này không kể đến phẩm giá của bí tích, vì bí tích chứa đựng trong nó ngôn ngữ thể xác của sáng thế và phải bảo tồn ý nghĩa của ngôn ngữ này. Vì lý do này, phải tránh bao nhiêu có thể việc sử dụng bánh bị ô nhiễm hoặc nước gây nhiễm bệnh, chính vì chúng không trọng trung tốt cho ơn cứu rỗi do Thiên Chúa mang đến trong bí tích, vốn cũng là ơn cứu rỗi xác thịt. Nếu không thể tham dự vào việc cử hành, thì có thể, bằng một cách nào đó, tự mình tham gia bí tích và lãnh nhận ơn thánh của nó.

Đây là nơi mà việc thông hiệp ảo có ý nghĩa: vì sự kiện nó giúp chúng ta tiếp cận Bí tích. Tuy nhiên, trong trường hợp này, phải ghi nhớ rằng ơn thánh chỉ được tiếp nhận khi người đó hướng tới việc tham dự bí tích đích thực và chuẩn bị sẵn để lãnh nhận nó tới mức độ lớn nhất có thể. Vì chính trong Bí tích, chúng ta mới tiếp xúc với thân thể Chúa Kitô, từ đó ơn thánh đến với chúng ta. Hơn nữa, chúng ta hãy nhớ rằng mọi ơn thánh bí tích đến với tín hữu qua ấn tích không thể xóa nhòa được mà họ đã tiếp nhận trong phép rửa, một ấn tích làm họ trở thành chi thể của nhiệm thể Chúa Kitô. Không phải kênh trực tuyến làm trung gian cho ơn thánh, giúp ơn thánh đến được với các tín hữu đang “tham dự” qua việc phát trực tiếp, mà đúng hơn, việc tháp nhập lúc rửa tội vào Thánh Thể, một việc tháp nhập qua đó, ơn thánh thánh thể được trải dài toàn bộ cuộc sống của chúng ta. Tất cả điều này có nghĩa: ngoài việc tránh nguy cơ lây lan trong lúc cử hành, phải tránh một nguy cơ khác: làm mất giá trị tinh trung tâm của các bí tích trong đời sống các tín hữu. Bởi vì, nếu điều này xảy ra, cảm thức cứu rỗi Kitô giáo, vốn cũng là sự cứu rỗi thể xác, sẽ trở nên loãng nhĩa. Cuối cùng, điều luôn có tính quyết định là nhớ rằng Bí tích không được cử hành để sống, nhưng chúng ta sống để cử hành Bí tích. Điều tối thiết là không có gì được ưu tiên hơn việc phụng sự Thiên Chúa: “nihil operi Dei praeponatur” (8). Theo quan điểm này, cuộc khủng hoảng bí tích thời đại dịch có liên quan đến cuộc tranh luận bí tích mà Giáo hội đã trải nghiệm trong vài năm

qua. Cuộc tranh luận này được diễn hình hóa trong nhiều cách giải thích khác nhau về tông huấn *Amoris laetitia*, theo đó, việc tiếp cận với bí tích không còn phụ thuộc vào tình trạng thể xác người ta, nghĩa là, vào cách người ta sống các mối liên hệ thể xác căn bản của họ, chẳng hạn như hôn nhân.

Do đó, một sự tách biệt được thực hiện giữa bí tích và thân thể sống của tín hữu, điều này song song với sự tách biệt xảy ra trong “bí tích” ảo. Vì lý do này, bất cứ ai chủ trương việc tách biệt giữa đời sống hôn nhân và đời sống thánh thể, một điều khá chung trong các cách giải thích này về *Amoris laetitia*, sẽ không thể giải thích được sự cần thiết của việc cử hành Bí tích bằng thể xác, và do đó tại sao cử hành ảo là điều bất cập. Những cách giải thích này đã định nghĩa bí tích hầu như bằng cách tách biệt nó khỏi lối sống cụ thể của tín hữu trong thể xác, khiến cho việc lãnh nhận bí tích chỉ phụ thuộc vào ý thức chủ quan của họ. Sự phân biệt giữa cử hành trực tiếp và cử hành ảo chỉ có thể có được nếu mối liên kết của bí tích với thân thể được chấp nhận, làm cho việc lãnh nhận bí tích cố kết với cách sống các ý nghĩa của thể xác. Đại dịch và việc cấm cửa cho thấy, mặc dù cách gián tiếp, khái niệm trống rỗng về bí tích mà nhiều người đã giả định, một bí tích không đạt đến hoặc biến đổi đời sống tín hữu trong thân xác, do đó mất mối kết nối với việc Nhập Thể.

4. SAU ĐẠI DỊCH: HƯỚNG TỚI VIỆC PHỤC HỒI BÍ TÍCH?

Từ những gì chúng ta đã nói cho đến nay, chúng ta có thể kết luận rằng thời đại dịch đã khiến chúng ta cảm thấy sự vắng bóng bí tích. Đó là một sự vắng bóng mà chúng ta đã vô tình sống, đó là lý do tại sao đôi khi cố gắng rất nhiều chúng ta mới tri nhận được sự khác biệt giữa thực tại ảo và thực tại có người [in-person reality]. Nếu chúng ta chấp nhận luận lý ảo đối với việc cấm cửa [lockdown], thì đại dịch sẽ đẩy nhanh phong trào phản bí tích của thời hiện đại, mà theo Bernanos, có thể được mô tả như một kỷ nguyên của phi nhập thể [disincarnation] tiệm tiến (9). Tuy nhiên, cùng một đại dịch này cũng có thể là cơ hội để con người nhận ra rằng một cuộc sống bị tù túng không phải là một cuộc sống đích thực, và do đó, một lần nữa khao khát một bí tích hiện hữu trong thế giới. Khi bị cấm cửa, điều nó định bác bỏ thể xác như một môi trường có tính tương quan được biểu lộ một cách đau đớn. Do đó, việc cấm cửa được dùng như một lời kêu gọi tiên tới tự do để chúng ta có thể khôi phục lại ngôn ngữ nguyên thủy của thân xác và cùng với nó, là ngôn ngữ bí tích. Hơn nữa, thời đại dịch, chúng ta tri nhận sự vắng bóng bí tích, không phải một cách lý thuyết mà là qua sự đau khổ cụ thể là bệnh tật và chia ly. Ở đây, ta thấy lý do để hy vọng. Vì đau khổ của đại dịch không phải là đau khổ ảo, và vì lý do này, nó có thể buộc chúng ta thoát khỏi cạm bẫy của thực tại ảo, khiến chúng ta khao khát Bí tích một lần nữa. Trong thời gian đại dịch, quả thật, chúng ta cảm thấy sự vắng bóng bí tích, nhưng chúng ta cảm thấy nó một cách bí tích. Để thấy nỗi đau của đại dịch là nỗi đau bí tích, chúng ta cần thêm một điểm vào những gì chúng ta đã đề cập về các bí tích. Vì các bí tích không những nói lên sự sung mãn mà Thiên Chúa ban cho con người, mà còn là con đường để tạo vật, bị tổn thương bởi tội lỗi, trở lại với sự sung mãn của nó. Thánh Bonaventura đã nhìn nhận rằng trong số các bí tích được thiết lập trong bản chất con người, sám hối được hiểu là khả năng ăn năn tội lỗi (10). Và, quả thật, con đường đó cũng là con đường được vượt qua bằng đau khổ. Chỉ có đau khổ mới giúp chúng ta phục hồi ý nghĩa bí tích của cuộc sống một khi ý nghĩa đó đã bị mất đi.

Không còn nghi ngờ gì nữa, đau khổ khai quang con đường bí tích vì nó giúp chúng ta thoát khỏi ảo tưởng của một thế giới phản bí tích, phi nhập thể. Vì đau khổ khiến chúng ta ý thức một lần nữa mối liên hệ của chúng ta với thể xác, cửa mở của thể xác ra thế giới và những người khác. Nhờ cách này, đau khổ nhắc nhở chúng ta rằng thể xác chúng ta không phải là các công cụ đơn thuần để tự phát biểu mình và thống trị thế giới, mà trên hết là nơi phụ thuộc

nguyên thủy, cửa mở ra để chúng ta liên hệ với thế giới, với người khác, với Thiên Chúa. Do đó, trong thế xác đau khổ, một cuộc gặp gỡ đầy mạc khải có thể diễn ra, cũng như một mối liên hệ giải thoát chúng ta khỏi sự tách biệt ngay bên trong mình và giúp chúng ta phục hồi chỗ đứng nhập thể của chúng ta trong thế giới. Vì lý do này, Chúa Kitô đã bước vào thế giới đau khổ: để phục hồi thế xác như cứ điểm liên hệ với Chúa Cha và những con người khác, do đó, khôi phục cho thế xác ý nghĩa tạo vật của nó. Nếu các bí tích do Chúa Kitô thiết lập mang trọn vẹn ý nghĩa của thân xác, thì chúng thực hiện việc này chính là nhờ đau khổ. Bằng cách chứa đựng trong chính chúng sự thống khổ và cái chết, các bí tích có thể phá vỡ sự cô lập của chúng ta và mở cửa để chúng ta bước vào ơn thánh được liên hệ với Thiên Chúa và những người khác.

Tương tự như các loại đau khổ khác, đại dịch có thể được coi là sự đánh tan ảo tưởng của con người phi nhập thể. Sự phân mảnh này có thể giúp họ nhớ đến xác thịt họ, một xác thịt họ được trao ban để dẫn họ vào thế giới và các mối liên hệ với những người khác, trong đó, mâu nhiệm tối hậu của sự sống, tức là, Đấng Tạo Hóa – Chúa Cha, được hiển thị. Theo quan điểm của viễn kiến đau khổ này, chúng ta có thể trả lời cho những người phàn nàn trong thời gian khó khăn bằng cách nói: “Bạn còn cứng lòng hơn bao nhiêu nữa, mà không để những thời điểm khó khăn này thay đổi bạn!” (11). Chẳng hạn, thời đại dịch này dạy chúng ta rằng sức khỏe không phải là thứ được bảo toàn hoặc phục hồi chỉ nhờ các phương tiện kỹ thuật mà thôi, như một cỗ máy được bảo trì hoặc sửa chữa. Thật vậy, việc cấm cửa liên quan đến đại dịch có thể chứng minh rằng việc giữ gìn sức khỏe của chúng ta mà làm hại các mối liên hệ vốn được thế xác đưa chúng ta vào kết cục sẽ có hại cho chính sức khỏe của chúng ta. Theo cách này, đại dịch có thể là một lời mời gọi phục hồi viễn kiến coi sức khỏe như sự hòa điệu nguyên thủy của con người với thế giới của họ và với những người khác, một sự hòa điệu mà con người nhận được trước tiên, một sự hòa điệu mà họ có thể phát huy chỉ bằng cách tiếp nhận nó. Chúng ta hãy xem xét, theo hướng này, việc tìm kiếm vắc-xin, mà hiệu quả của chúng tùy thuộc vào hệ thống miễn dịch.

Ở đây ý nghĩa của y học được biểu lộ: nhiệm vụ của nó là bổ sung cho tác nhân chữa bệnh duy nhất, là chính cơ thể. Viễn kiến về sức khỏe này là một viễn kiến có tính bí tích vì nó được đặt nền trong thế xác như cứ điểm nguyên thủy của sự sống, trong sự hòa hợp với môi trường và với những con người khác. Sự kiện đại dịch đã trở thành một biến cố hoàn cầu cũng có nghĩa là sự đau khổ này, sự đau khổ vốn mở mắt để con người biết rõ thân phận thực sự của họ, không những ảnh hưởng đến mỗi người mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ xã hội. Tất cả xã hội bị khổ sở trong thời gian đại dịch, trong các mối liên hệ của nó và trong các cách nó sống thực ích chung. Vì lý do này, đau khổ do đại dịch gây ra không phải là lời kêu gọi đối với cá nhân mà thôi, mà đòi hỏi một sự thay đổi xã hội nhằm bỏ lại phía sau viễn kiến phi bí tích vốn là đặc điểm của thời hiện đại. Liệu xã hội có thể học lại để biết rằng sự đoàn kết của chúng ta bắt nguồn từ một hồng phúc trước đây mà tất cả chúng ta đã nhận được cách chung không? Và, do đó, lợi ích của xã hội không nằm ở việc thể hiện sở thích độc lập của mỗi người, mà nằm ở việc tiếp sinh lực cho cuộc sống chung hiện có của chúng ta? Nếu đúng như vậy, có lẽ chúng ta nên hiểu rằng xã hội chỉ tồn tại nếu nó mở cửa đưa ta vào một mâu nhiệm: mâu nhiệm của Đấng Tạo Hóa. Dưới góc độ cuộc thảo luận của chúng ta, chúng ta cần nêu ra một câu hỏi cuối cùng: liệu cuộc khủng hoảng đại dịch có giúp chúng ta phó thác (surrender) và nhờ đó khôi phục một luận lý học bí tích trong xã hội và trong Giáo hội không? Tín lý Kitô giáo về ơn quan phòng cho chúng ta biết: có những biến cố mà chúng ta không biết nguyên do. Thật vậy, bất cứ điều gì xảy ra trên thế giới đều không được giải thích chỉ bằng những nguyên nhân đệ nhị đẳng, vì có những sự việc ngẫu nhiên mà nguyên nhân của chúng nằm ở một mình Thiên Chúa mà thôi, đến nỗi Thiên thần hoặc con người không thể hiểu được (12). Đây là lý do tại sao, theo quan điểm trần gian, rất khó để phân định điều

“tại sao” của đại dịch và Thiên Chúa theo đuổi mục đích nào với nó. Muốn dò thấu điều “tại sao” này, có lẽ chúng ta cần hồng phúc tiên tri. Rất may, như sách Khải Huyền từng nói, đối với các Kitô hữu, “chứng từ của Chúa Giêsu là tinh thần của lời tiên tri”, vì toàn bộ tương lai của chúng ta vốn được chứa đựng trong sự Phục sinh từ cõi chết của Người. Điều này có nghĩa: đức tin vào Chúa Kitô giúp chúng ta biết chỗ nào ơn quan phòng hướng dẫn mọi sự: sống phù hợp với Thập giá và sự Phục sinh của Chúa. Tuy vậy, sự dâng hiến của Chúa Kitô trên Thập giá là sự dâng hiến tự do nhân bản dâng hiến thân mình cho Chúa Cha vì lợi ích của chúng ta. Điều này có nghĩa: kế hoạch quan phòng bao gồm trong nó lời đáp ứng tự do của chúng ta. Chính các bí tích, vì chúng mở không gian cho sự chết và sự Phục sinh của Chúa Kitô, nên chúng tạo thành nơi chốn trong đó chúng ta được tự do. Đối diện với đại dịch, chúng ta được kêu gọi đặt mình vào không gian mà Chúa Kitô đã mở ra cho chúng ta, tức là, thể xác của chính Người, một thể xác lấy lại ý nghĩa tương ứng với kế hoạch của Đấng Tạo Hóa. Loại bỏ hoặc trì hoãn các bí tích sẽ không cứu được sự sống của chúng ta, vì nó loại bỏ hoặc trì hoãn nơi chốn thích đáng cho hành động con người, nơi chốn chúng ta được tự do và xây dựng một cuộc sống cao quý và tươi đẹp. Trong một bài giảng lễ nổi tiếng, Thánh Augustinô tập hợp những lời phàn nàn của những người lặp đi lặp lại “thời kỳ tồi tệ, thời kỳ khó khăn”. Thánh nhân trả lời họ: “Chúng ta hãy sống tốt, thì thời gian sẽ tốt. Chúng ta là thời đại; chúng ta thế nào, thời đại là thế ấy” (13). “Chúng ta hãy sống tốt”: muốn thời đại tốt thì “sống còn” mà thôi không đủ. Đúng hơn, mệnh lệnh là phải “sống tốt”. Và một cuộc sống tốt đẹp như thế, một cuộc sống có tính hoàn toàn nhân bản như thế chỉ có thể có được trong không gian được các bí tích mở ra. Nói tóm lại, sống tốt là sống bằng các bí tích, như người ta sống bằng cơm bánh, để thời gian trở thành thời gian thánh thể, nghĩa là, thời gian phát triển, qua đại dịch, đến mức viên mãn của nó.

Ghi chú

1. Trừ khi có ghi chú khác, tất cả các trích dẫn lấy từ *Revised Standard Version*, Phiên bản Công Giáo.
2. Joseph Ratzinger, “Nền tảng Bí tích của Cuộc Sống Kitô hữu” (The Sacramental Foundation of Christian Existence) trong *Tác phẩm được sưu tập*, tập 11: Thần học Phụng vụ, 153–168, ở 155.
3. Karl-Heinz Menke, *Sacramentalidad. Esencia y llaga del catolicismo*, 115. Nguyên thủy xuất bản với tên *Sakramentalität: Wesen und Wunde des Katholizismus*.
4. Về câu hỏi này, xem Hans Jonas, “The Nobility of Sight”, *Philosophy and Phenomenological Research* 14: 507–19.
5. Xem Thánh Augustinô, *De Genesi ad litteram* 3.4.
6. Thánh Tôma Aquinô, *In IV Sententiarum* d. 25, q. 3, a. 2, qncula. 1 arg 4.
7. Xem Peter Lombard, *Sentences* IV, dist. 1, ch. 5, par. 1.
8. Thánh Bênêđictô thành Nursia, *Rule* 43.3
9. Xem Georges Bernanos, *Essais et écrits de combat* (Tiểu luận và Trước tác chiến đấu), 673: “Nỗi bất hạnh và sỉ nhục của thế giới hiện đại, một thế giới tự khẳng định một cách duy vật kỳ cục, là nó phi nhập thể mọi sự, nó khởi đầu lại bằng cách đi ngược chiều với mẫu nhiệm nhập thể”.
10. Xem Thánh Bonaventura, *In IV Sententiae* d. 23, a. 1, q. 2, co.; d. 22, a. 2, q. 1, conc., in *S. Bonaventurae Opera Omnia*, vol. 4, 579
11. Thánh Augustinô, *Bài Giảng* 114B, 14
12. Xem Thánh Tôma Aquinô, *Summa contra Gentiles* III, q. 94.
13. Xem Thánh Augustinô, *Bài Giảng* 80.